TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **21**/2024/HNGĐ - ST Ngày 21-6-2024 V/v: Ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/5/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 13/TB - MLPTXX ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1998 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trần Đình V, sinh năm 1987 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn C1, xã C2, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, bản tự khai ngày 11/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đình V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng vào miền nam làm ăn nhưng trong cuộc sống vợ chồng có

nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị đã về quê, được 2 tháng sau thì anh V cũng về. Mâu thuẫn giữa 2 vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được. Từ giữa năm 2022 chị đã về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Đình V.

- Về con chung: Chị N và anh V không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Trần Đình V:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Trần Đình V. Nhưng trong thời hạn quy định anh V không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 5 năm 2024, ông Trần Đình T1 - bố đẻ của anh Trần Đình V trình bày:*

Anh Trần Đình V là con đẻ của ông, có hộ khẩu thường trú tại thôn C1, xã C2, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Anh Trần Đình V và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh V và chị N cùng đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống bình thường. Đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng chung sống nhưng vẫn chưa có con. Anh V và chị N đã đi khám tại Bệnh viện R, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn không có kết quả. Sau đó anh V và chị N đã về quê để sinh sống và đi làm công nhân ở gần nhà. Sau khi về nhà giữa 2 vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 5/2022 chị N đã bỏ về nhà ngoại ở. Gia đình ông và anh V đã khuyên bảo nhưng chị N vẫn không quay về. Anh V và chị N sống ly thân từ đó cho đến nay.

Từ đầu năm 2023 anh V vào Thành phố Hồ Chí Minh đi làm, địa chỉ cụ thể gia đình ông không nắm rõ mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Các văn bản của Tòa án tống đạt cho anh V thì gia đình ông đã nhận thay và đã thông báo ngay lại cho anh V biết. Do anh V đi làm xa nên không đến Tòa án để làm việc được. Anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa. Quan điểm của anh V trao đổi lại với ông như sau: Về hôn nhân: Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sẽ thông báo ngay lại cho anh V biết và giao

ngay lại khi anh V về nhà.

* *Tại phiên tòa:* Chị Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình V. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10/7/2017, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh V.

+ Về con chung: Chị N và anh V không có con chung.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Đình V có hộ khẩu thường trú tại thôn C1, xã C2, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Trần Đình V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Trần Đình V dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Về phía anh V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh V là phù hợp.

[2. 2]. Về con chung: Chị N và anh V không có con chung.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị N được ly hôn anh Trần Đình V.

2. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0002959 ngày 26/02/2024. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị N, vắng mặt anh V. Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã X;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà